

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2021/HS-ST

Ngày: 08/03/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – CB hưu trí.

Bà Trương Thị Thìn – CB hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ*** tham gia phiên tòa: Ông Hà Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 03 năm 2021, tại trụ Tòa án nhân dân thành phố B đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/HSST ngày 21/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HS ngày 19/02/2021 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Nguyễn Ngọc L, Sinh năm 1994 tại Đ;

Nơi ở hiện nay: Không có nơi cư trú ổn định.

Hộ khẩu thường trú: xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không;

Họ và tên cha: Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1965; (còn sống)

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1968; (còn sống).

Có chồng: Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và 01 con chung sinh năm 2012. Sống chung như vợ chồng với Đỗ Hành P, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án: Ngày 10/9/2020, bị Toà án nhân dân Thành phố Ch, tỉnh A xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 63/2020/HSST ngày 10/9/2020. Hiện nay bị cáo chưa chấp hành bản án này.

Tiền sự: không.

Bị cáo bắt từ ngày 03/11/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- Bị hại: Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1990.

Trú tại địa chỉ: 88/8, Khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Thuý V, sinh năm 1992.

Trú tại: 86/8, Khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bị cáo có mặt; Bị hại và người làm chứng vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01h00' ngày 03/11/2020, Nguyễn Ngọc L cùng người phụ nữ tên Sang (không rõ lai lịch) rủ nhau đi từ tỉnh Đ đến khu vực Đền thánh Martino tại số ¼, Khu phố 10, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ để trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 08h30 phút cùng ngày, L phát hiện chị Đoàn Thị D, sinh năm 1990, ngụ tại 86/8, Khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố B tỉnh Đ đang bế cháu nhỏ đứng trước khu vực tượng đền thánh Martino, túi quần phía trước bên phải để lộ tiền ra ngoài nên L tiếp cận và dùng tay trái cầm nón che tay phải để thò vào túi quần của chị D để lấy số tiền 2.700.000đ.

Cùng lúc này, chị Nguyễn Thị Thuý V, sinh năm 1992, ngụ tại 86/8, khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ là em của chị D dùng điện thoại chụp ảnh thì lưu được hình ảnh người phụ nữ mặc áo khác màu hồng đang móc tiền từ túi của chị D. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị D và chị V đi tìm người phụ nữ trong ảnh thì phát hiện ra L đang đứng cách tượng thánh Martino khoảng 20m và trình báo công an phường Tân Biên.

Quá trình điều tra, chị Đoàn Thị D khai mất số tiền 10.000.000đ. L khai trộm cắp của chị D số tiền 2.700.000đ, sau khi trộm được số tiền trên đã đưa cho đối tượng Sang số tiền 1.300.000đ. L cầm theo 544.000đ, nên tổng số tiền trong người L bị thu giữ khi bị bắt là 1.944.000đ. Kết quả điều tra chỉ đủ cơ sở chứng minh số tiền mà L chiếm đoạt của chị D là 2.700.000đ.

Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 1.944.000đ thu trong người của Nguyễn Ngọc L là số tiền L đã lấy của chị D.
- 01 áo khoác màu hồng.
- 01 nón màu nâu.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã giao trả cho chị D số tiền 1.944.000đ. Ông Nguyễn Văn Đ (cha của L) đã bồi thường số tiền 3.000.000đ cho chị D. Chị D đã có đơn bãi nại và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với đối tượng Sang (không rõ lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh điều tra làm rõ và xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 77/CT/VKS-BH ngày 18/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đề tuyên xử bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề xuất áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, được bị hại làm đơn bãi nại, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được quy định tại điểm b, s khoản

1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự. Đồng thời đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo L từ 12 tháng tù giam đến 16 tháng tù giam.

Tuyên về xử lý vật chứng vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cũng như không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất với nội dung truy tố của bản cáo trạng, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là hành vi trái với quy định của pháp luật, nên xin Hội đồng xét xử xử phạt giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, lời khai của những bị hại và người làm chứng có tại hồ sơ vụ án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Ngọc L đã khai nhận vì không có nghề nghiệp, không biết chữ và muốn có tiền tiêu xài nên khoảng 98 h00' ngày 03/11/2020 tại khu vực đền thánh Martino số ¼, khu phố 10, phường Tân Biên, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo đã có hành vi trộm cắp của chị Đoàn Thị D số tiền 2.700.000đ thì bị phát hiện bắt giữ. Như vậy, hành vi của bị cáo L đã đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo L được Hội đồng xét xử nhận định là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là một loại khách thể được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang bất ổn nơi quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo L là một người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng tìm một công việc lao động chân chính để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân, nuôi sống con nhỏ, nhưng vì lười lao động lại ham chơi, khi thấy bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản bị cáo đã nảy sinh lòng

tham rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt. Mặt khác, trước đó vào ngày 10/9/2020, bị cáo còn bị Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng chưa đi chấp hành, hiện vẫn chưa được xoá án tích. Trong thời gian chờ chấp hành án, bị cáo bỏ đi khỏi địa phương, cư trú ở nhiều nơi và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo đã từng bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản, mặc dù không biết chữ nhưng nhận thức được việc có hành vi như trên là vi phạm quy định của pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi đó đã phạm vào tình tiết tăng nặng hình phạt “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt phù hợp, nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục bị cáo cũng như nhằm răn đe tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét tại phiên toà ngày hôm nay và trong suốt quá trình điều tra truy tố, bị cáo luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả và được bị hại làm đơn bãi nại, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo L.

[5]. Do mức án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 63/2020/HSST ngày 10/9/2020 do Toà án nhân dân Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt bị cáo đã có hiệu lực và hiện nay bị cáo vẫn chưa chấp hành bản án này, nên cần thiết phải áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp bản án và buộc bị cáo L phải chấp hành chung.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cần tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 áo khoác màu hồng và 01 nón màu nâu không còn giá trị sử dụng.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.](#)

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về áp dụng điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội](#)

- Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L: 01 (Một) năm tù giam. Tổng hợp với mức án 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại

bản án số 63/2020/HSST ngày 10/9/2020 của Toà án nhân dân Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải chấp hành mức hình phạt chung là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 áo khoác màu hồng và 01 nón màu nâu không còn giá trị sử dụng.

(được ghi nhận tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B)

- Về án phí: **buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.**

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đồng Thị Hồng**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đồng Thị Hồng**





**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thiều Thị Phi Loan    Trần Chính**

**Đồng Thị Hồng**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ .... ngày 11 tháng 7 năm 2018;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ.

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Diễn và bà Trương Thị Thìn

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 06 năm 2018 đối với:

Các bị cáo:

- **Thạch Thương (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp Vinh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- **Phan Trí Hải (tên gọi khác.....)**; sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp Long Đức 3, xã Tam Phước; thành phố B, tỉnh Đ

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thạch Thương và Phan Trí Hải phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2 Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; khoản 1, 3 Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội](#).

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thạch Thương: .....tù.  
Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Xử phạt bị cáo Phan Trí Hải: .....tù.  
Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Ngọc Linh xác định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô Yamaha biển số 60U7-4138, được hai bị cáo Thương và Hải sử dụng đi cướp giật tài sản, Hải khai mượn của một người tên Tuấn (chưa rõ lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa rõ chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ..... phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH- NLQ (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đồng Thị Hồng**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:11/2018/HSST-QĐ

*B, ngày 12 tháng 3 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH  
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:<sup>(4)</sup>***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh và bà Nguyễn Thị Nhạn

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy:

- Tại phiên tòa, người bị hại Bùi Quốc Tuấn và người làm chứng Phạm quốc Cường đều khai khi quay lại hiện trường để gây án bị cáo không đi một mình mà đi cùng hai người khác trên 1 chiếc xe máy. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra. Mặt khác anh Tuấn và anh Cường cũng như bị cáo đều xác định quá trình điều tra chưa được đối chất với nhau.

- Chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện gây án bị cáo khai tại cơ

quan điều tra và tại phiên tòa là đã bán. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ thời điểm bán, khu vực bán và người mua cũng như khả năng thu hồi tài sản này cũng như biện pháp xử lý vật chứng. Lý do tại sao có sự chênh lệch lớn giữa giá bán và giá mua. Có hay không việc bị cáo cố ý tẩu tán tài sản. Do đó, cần trả hồ sơ để làm rõ.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn Phú** (Tên gọi khác: Hiền); Sinh năm 1989;

Bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Điều tra xác minh, cho đối chất giữa bị hại, những người làm chứng và bị cáo nhằm làm rõ trong vụ án có đồng phạm hay không?

2. Xác minh làm rõ cũng như có biện pháp xử lý cụ thể đối với chiếc xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

#### **Nơi nhận:**

- VKS TP.B (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



